



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03143/2023/PKQ (1446.02W2306.959)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHU CÔNG NGHIỆP
HÒA CẨM**

Địa chỉ : Khu công nghiệp Hòa Cẩm, Phường Thọ Tây, Thành Phố Đà Nẵng
Loại mẫu : Nước thải
Số lượng mẫu : 01
Thời gian lấy mẫu : 15/06/2023
Thời gian thử nghiệm : 15/06/2023 - 04/07/2023

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
					Cmax
1.	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2017	29,7	40
2.	Độ màu	Pt/Co	TCVN 6185:2015	<5	50
3.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,38	6-9
4.	BOD ₅ (20°C)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	6	27
5.	COD	mg/L	SMEWW5220C:2017	19	67,5
6.	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2017	8	45
7.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,0055	0,045
8.	Cadimi (Cd)	mg/L	US EPA Method 200.8	<0,0007	0,045
9.	Thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,0004	0,0045
10.	Chì (Pb)	mg/L	US EPA Method 200.8	<0,0008	0,09
11.	Cr ⁶⁺	mg/L	SMEWW 3500Cr.B:2017	<0,003	0,045
12.	Cr ³⁺	mg/L	US EPA 200.8 + SMEWW 3500Cr.B:2017	0,0056	0,18
13.	Đồng (Cu)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,0431	1,8
14.	Kẽm (Zn)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,25	2,7
15.	Ni	mg/L	US EPA Method 200.8	0,0095	0,18
16.	Mangan (Mn)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,0323	0,45
17.	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3500- Fe.B:2017	<0,01	0,9

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Công nghệ môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH ĐỘC CHẤT MÔI TRƯỜNG
(VILAS 386 - VIMCERTS 079)



Địa chỉ: Phòng 700, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 2614; 0974668513 Email: dcmt386@gmail.com

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
					Cmax
18.	Tổng xianua	mg/L	SMEWW4500-CN- .C&E:2017	<0,004	0,063
19.	Tổng phenol	mg/L	SMEWW 5530D:2017	<0,01	0,09
20.	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW5520B&F:2017	<1	4,5
21.	Sunfua (S^{2-})	mg/L	SMEWW 4500 S2- .B&D:2017	<0,02	0,18
22.	Florua (F^-)	mg/L	SMEWW 4500-F- .B&D:2017	0,21	4,5
23.	$NH_4^+ - N$	mg/L	SMEWW4500- NH3.B&F:2017	0,27	4,5
24.	Tổng Nito	mg/L	TCVN 6624-2:2000	2,396	18
25.	Tổng Photpho	mg/L	SMEWW-P.B&E:2017	0,43	3,6
26.	Clo dư	mg/L	SMEWW 4500- Cl.G:2017	<0,05	0,9
27.	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	SMEWW 7110B:2017	<0,004	0,1
28.	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	SMEWW 7110B:2017	0,12	1,0
29.	Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B&E:2017	680	3.000

Ghi chú:

- **QCVN 40:2011/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp
- **Cmax:** Cột A, $K_q = 0,9$ và $K_f = 1,0$
- **02W2306.959:** Nước thải sau hệ thống xử lý tại điểm xả nước thải của trạm xử lý

Hà Nội, ngày 04 tháng 07 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG

QA/QC

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Phan Quang Thăng

Nguyễn Thị Hương

Đỗ Văn Mạnh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Công nghệ môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.